

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P - TỈNH HUNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dũng và bà Lê Thị Huyền;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện P;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 100/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/12/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/01/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1978; (vắng mặt)

ĐKKHKT và nơi cư trú cuối cùng: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

(anh Th bị tuyên bố mất tích theo quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST-DS ngày 24/3/2023 của TAND huyện P)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 26/10/2011; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Người đại diện hợp pháp của cháu Ph: chị Nguyễn Thị Ng là mẹ đẻ của cháu.

3. Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1940; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

+ Bà Đặng Thị Ch, sinh năm 1936; (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân Th trước khi kết hôn có thời gian được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P ngày 04/5/2011 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị và anh Th về chung sống cùng mẹ đẻ chị tại thôn T, xã T, huyện P. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị bình thường, chị thì làm việc tại quê, còn anh Th thì thường xuyên đi làm ăn xa nhà ở trong Miền Nam từ đầu năm đến cuối năm mới về. Cuối năm 2015 anh Th về quê ăn tết cùng gia đình, sau khi ăn tết xong, anh Th tiếp tục vào Miền Nam làm ăn, cụ thể anh Th vào tỉnh nào trong Miền Nam thì anh Th không nói vì anh Th làm nghề ghép cốt pha đi theo công trình xây dựng nay đây mai đó nên chị không biết địa chỉ của anh Th cụ thể ở đâu trong Miền Nam. Ngày 25/10/2016 âm lịch chị liên lạc bằng điện thoại cho anh Th nhưng không liên lạc được; chị có hỏi gia đình nhà chồng thì mọi người đều trả lời không biết anh Th ở đâu, làm gì. Chị đã đi tìm kiếm và hỏi tin tức nhiều người nhưng không ai biết chồng chị ở đâu nên cuối năm 2022 đầu năm 2023 chị đã làm đơn yêu cầu Toà án tuyên bố anh Nguyễn Xuân Th mất tích. Từ khi Toà án ra quyết định tuyên bố anh Th mất tích cho đến nay, chị vẫn không có thông tin gì của anh Th ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Đến nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị không có hạnh phúc, không có tương lai, vì vậy chị đề nghị Toà án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Th.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Xuân Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 26/10/2011. Hiện nay cháu Ph đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ph, tự nguyện không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị và anh Th không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Do bị đơn anh Nguyễn Xuân Th bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 01/2023/QĐST-DS ngày 24/3/2023 của Toà án nhân dân huyện P, từ khi Toà án tuyên bố anh Th mất tích cho đến nay vẫn không có tin tức của anh Th ở đâu, do vậy Toà án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Th về vấn đề quan hệ hôn nhân, về con chung và về tài sản chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Tấn Ph trình bày: Từ khi cháu lớn lên và có hiểu biết thì thấy chưa khi nào bố mẹ chung sống cùng nhau, cháu có nghe mẹ cháu nói bố cháu đi làm ăn xa nhà, còn làm ở đâu thì cháu không biết và đã nhiều năm nay cháu chưa được gặp bố cháu. Lý do gì mà bố mẹ cháu không chung sống cùng nhau thì cháu không biết. Việc ăn uống, học hành đều một mình mẹ cháu lo cho cháu từ bé đến nay. Nay mẹ cháu có đơn xin ly hôn bố cháu, cháu không có ý kiến gì, trường hợp bố mẹ cháu ly hôn nhau, cháu có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với mẹ cháu, còn việc cấp dưỡng nuôi cháu thì cháu không có ý kiến, đề nghị gì. Cháu Ph đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt cháu theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L (là mẹ đẻ của chị Ng) và bà Đặng Thị Ch (là mẹ đẻ của anh Th) trình bày: Hai bà đều xác nhận, quá trình chung sống giữa chị Ng và anh Th tình cảm vợ chồng bình thường, không xảy ra mâu thuẫn gì.

Anh Th và chị Ng ít có thời gian ở cùng nhau do anh Th thường xuyên phải đi ăn làm xa nhà, cuối năm mới về quê ăn tết xong rồi lại đi làm. Đầu năm 2016, sau khi ăn tết xong, anh Th lại vào Miền Nam làm ăn, anh Th làm ở đâu, địa chỉ như thế nào thì các bà không rõ, từ năm 2016 cho đến nay anh Th không về quê nữa và cũng không liên lạc về gia đình. Từ khi Tòa án ra Quyết định tuyên bố anh Th mất tích cho đến nay, gia đình cũng không biết tin tức anh Th đang ở đâu, làm gì. Nay chị Ng có đơn xin ly hôn anh Th, các bà đều xác định đây là chuyện riêng của hai anh chị, gia đình không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết. Hai bà đều xác nhận, anh Th, chị Ng có 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn Ph. Bà L có quan điểm, trường hợp chị Ng được ly hôn với anh Th, chị Ng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ph thì gia đình bà tiếp tục tạo điều kiện về chỗ ăn, chỗ ở cho mẹ con chị Ng. Bà L, bà Ch xác nhận, vợ chồng chị Ng, anh Th không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp gì vào tài sản của gia đình hai bà, gia đình hai bà không liên quan gì về vấn đề tài sản với vợ chồng anh Th, chị Ng nên gia đình hai bà không có yêu cầu, đề nghị gì. Bà L và bà Ch đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt hai bà theo quy định pháp luật.

UBND xã T cung cấp thông tin: Chị Ng và anh Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 04/5/2011 theo đúng quy định pháp luật. Lý do trong giấy chứng nhận kết hôn chưa có chữ ký của anh Th và chị Ng có thể do sơ suất trong quá trình làm thủ tục, UBND xã chưa yêu cầu anh Th và chị Ng ký. Còn tháng đăng ký kết hôn trong giấy chứng nhận kết hôn và trong sổ đăng ký kết hôn bị sai lệch có thể do nhầm lẫn về lịch âm và lịch dương hoặc có thể viết nhầm trong quá trình cấp giấy chứng nhận kết hôn cho anh Th và chị Ng. Đề nghị Tòa án lấy ngày 04/5/2011 trong sổ đăng ký kết hôn làm căn cứ giải quyết vụ án. Chị Ng và anh Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 26/10/2011. Chị Ng và anh Th mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được vì địa phương chưa khi nào nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, cũng như đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản chung, nợ chung giữa chị Ng và anh Th. Anh Th vắng mặt tại nơi cư trú từ lâu, anh Th đi đâu, làm gì và ở đâu địa phương không nắm được do anh Th không thuộc diện phải khai báo với Chh quyền địa phương. Anh Th vẫn vắng mặt tại địa phương từ khi Tòa án ra quyết định tuyên bố anh Th mất tích cho đến nay. Nay chị Ng có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Th, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật xem xét, giải quyết.

Công an xã T cung cấp thông tin: Anh Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1978 có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Anh Th vắng mặt tại nơi cư trú nhiều năm nay, anh Th đi đâu, làm gì, ở đâu thì địa phương không nắm được vì anh Th không thuộc diện phải khai báo. Kiểm tra trên hệ thống quản lý dữ liệu quốc gia về dân cư không xác định được anh Th đăng ký tạm trú ở đâu. Từ khi Tòa án ra quyết định tuyên bố anh Th mất tích cho đến nay, anh Th vẫn vắng mặt tại nơi cư trú.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt, trong đó: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Xuân Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do mặc dù Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật; Người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Tấn Ph và người làm chứng bà Nguyễn Thị L, bà Đặng Thị Ch vắng mặt và đều đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện P Ph biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ng, xử cho chị Ng được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Th. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Ng, giao cháu Ph cho chị Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi, nguyên đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện P nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Xuân Thđăng ký hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên. Chị Ng có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Th, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Ph trong quá trình lấy lời khai các cháu đều đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt cháu; bị đơn anh Nguyễn Xuân Thvắng mặt tại nơi cư trú, Toà án đã ra Quyết định tuyên bố anh Nguyễn Xuân Thmất tích và đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Thđã vắng mặt hai lần không có lý do. Căn cứ

vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ng và anh Th tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P ngày 04/5/2011 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh Th là hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, theo như chị Ng trình bày, tình cảm vợ chồng anh chị bình thường, do tính chất công việc, anh Th thường xuyên đi làm ăn xa nhà ở trong Miền Nam từ đầu năm đến cuối năm mới về quê. Đến cuối năm 2015 anh Th về quê ăn tết cùng gia đình, sau khi ăn tết xong, anh Th tiếp tục vào Miền Nam làm ăn, cụ thể anh Th vào tỉnh nào trong Miền Nam thì chị Ng không biết. Ngày 25/10/2016 âm lịch, chị Ng liên lạc bằng điện thoại cho anh Th nhưng không liên lạc được, chị có hỏi gia đình nhà chồng và đi tìm kiếm nhiều nơi nhưng cũng không có tin tức gì của anh Th. Từ khi Toà án ra quyết định tuyên bố anh Th mất tích cho đến nay, chị vẫn không có tin tức gì của anh Th ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Đến nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Th không có hạnh phúc, không có tương lai, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Th vì vậy chị đề nghị Toà án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Th để chị sớm ổn định cuộc sống. Anh Nguyễn Xuân Th bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 01/2023/QĐST-DS ngày 24/3/2023 của Toà án nhân dân huyện P. Do vậy, chị Ng có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Th là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ng và anh Nguyễn Xuân Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 26/10/2011. Tại đơn khởi kiện và quá trình tiến hành tố tụng chị Th có quan điểm, khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ph, anh Th vắng mặt tại địa phương nên chị Ng không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy: Từ khi anh Th vắng mặt tại nơi cư trú cho đến nay, cháu Ph ở với chị Ng, được chị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu, khi ly hôn chị Ng có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu; cháu Ph có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với chị Ng khi bố mẹ cháu ly hôn. Mặt khác, hiện nay anh Th vắng mặt tại nơi cư trú nên không thể giao con chung cho anh Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Ph khi chị Ng và anh Th ly hôn, tiếp tục giao cháu Ph cho chị Ng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi là cần thiết và phù hợp với nguyện vọng của chị Ng cũng như nguyện vọng của cháu Ph. Anh Th vắng mặt tại nơi cư trú, chị Ng không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị Ng nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng xác định, giữa chị và anh Nguyễn Xuân Th không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp chung, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn chị Ng không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Xuân Thiện nay vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Thvề vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng canh tác chung giữa anh Thvà chị Ng nên chưa có căn cứ xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu anh Thtrở về địa phương và có đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng canh tác chung giữa anh Thvà chị Ng thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ng, xử cho chị Ng được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tấn Ph, sinh ngày 26/10/2011 cho chị Nguyễn Thị Ng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ph đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ng không yêu cầu anh Thcấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Xuân Thđược quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng xác định, giữa chị và anh Nguyễn Xuân Thkhông có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, tự nguyện không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, nếu anh Thtrở về địa phương, có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung giữa anh Thvới chị Ng thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: BLTU/24/0001299, ngày 23/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, chị Ng đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Mạnh Quyền